

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 401/2024/HC-PT

Ngày 16 tháng 5 năm 2024

V/v Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực bồi thường đất
đai.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Các Thẩm phán:

Ông Vũ Ngọc Huynh

Ông Phan Nhựt Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp
cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Nhân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 9 và 16 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp
cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính
thụ lý số 20/2024/TLPT-HC ngày 11 tháng 01 năm 2024 về việc “*Khiếu kiện
quyết định hành chính trong lĩnh vực bồi thường đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 154/2023/HC-ST ngày 22 tháng 9 năm
2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 693/2024/QĐPT-HC
ngày 18 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1968 (Vắng mặt);

Địa chỉ: 3 đường C, tổ F, khu phố C, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa -
Vũng Tàu

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Quản Đức N (Quản Thanh T1), sinh
năm 1955. Địa chỉ: I đường số A, Phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh
(Có mặt);

Địa chỉ liên hệ: F đường số D, khu phố C, phường L, thành phố T, thành
phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân tỉnh B (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

2.2 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Số A P, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:

Ông Phan Văn M – Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

Ông Hồ Việt Phước T2 - Chuyên viên Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B (Có mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1979 (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: I T, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện là ông Nguyễn Tấn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện trình bày:

Tại đơn khởi kiện ngày 09-11-2022 (BL 23), ông Nguyễn Tấn T khởi kiện Ủy ban nhân dân tỉnh B cụ thể như sau:

- Hủy Quyết định số 2073/QĐ.UBT ngày 19/8/1997 về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Lê Thị D xin lại đất tọa lạc tại phường P, thị xã B.

- Hủy Văn bản số 7676/UBND-VP ngày 04/7/2022 của UBND tỉnh B về việc trả lời văn bản phản hồi của ông Quản Đức N về khiếu nại của gia đình ông Lê Tấn T3 ở thành phố B.

- Buộc UBND tỉnh B phải bồi thường giá trị đất đối với diện tích đã bị thu hồi là 1.910m² trong Quyết định số 2073/QĐ.UBT ngày 19/8/1997 của UBND tỉnh B.

Lý do khởi kiện:

Ngày 19/8/1997 UBND tỉnh B ra Quyết định số 2073/QĐ.UBT giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị D về việc yêu cầu trả lại diện tích 1.910m² bị thu hồi trái pháp luật – Trong Quyết định này nêu rõ: *“Tại thời điểm này không giải quyết đền bù tiền giá trị đất”* mà chỉ đền bù hoa lợi trên đất.

Bà Lê Thị D tiếp tục khiếu nại. Sau khi bà chết thì con trai bà là Nguyễn Tấn T liên tục khiếu nại.

Ngày 13/10/2020 ông T làm thủ tục ủy quyền cho ông Quản Đức N (Quản Thanh T1) thay mặt mình trong việc giải quyết của các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Ngày 22/3/2022 ông Nguyễn Văn T4, Chủ tịch UBND tỉnh B chủ trì tiếp ông Quản Đức N (*có các Sở ban ngành liên quan*) để giải quyết việc khiếu nại.

Ngày 29/3/2022 UBND tỉnh B ra Thông báo số 131/TB-UBND nêu rõ: *“Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày ban hành thông báo này nếu gia đình ông T có tài liệu mới làm thay đổi bản chất vụ việc thì gửi Thanh tra tỉnh xem xét, rà soát”*.

Ngày 10/4/2022 ông Quản Đức N có Văn bản phản hồi đáp ứng Thông báo số 131/TB-UBND và đưa ra các tài liệu, chứng cứ chứng minh là các Thông tư, Nghị định của Chính phủ và các Quyết định của UBND tỉnh B làm thay đổi bản chất vụ việc.

Ngày 04/7/2022 UBND tỉnh B ra Văn bản số 7676/UBND-VP gửi ông Quản Đức N bác yêu cầu của ông N. Văn bản này trái hoàn toàn với nội dung trong buổi Chủ tịch Nguyễn Văn T4 tiếp ông N và nội dung Thông báo số 131/TB-UBND ngày 29/3/2022.

[2]. Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, UBND tỉnh B trình bày:

UBND tỉnh B có ý kiến tại Văn bản số 2966/UBND-VP ngày 20/3/2023 (BL 93-95) như sau:

Về quá trình khiếu nại và giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị D

Ngày 28/3/1997, UBND tỉnh có Phiếu chuyển số 178/PC.UB về việc giao Thanh tra tỉnh xác minh đơn của bà Lê Thị D.

Ngày 27/6/1997, Thanh tra tỉnh có Báo cáo số 264/BC.TTr về báo cáo xác minh đơn khiếu nại của bà Lê Thị D, với nội dung kiến nghị:

“- Đền bù giá trị diện tích 930m² đất tọa lạc tại thôn P - thị xã B cho bà Lê Thị D theo thời điểm.

- Nếu Công ty chế biến XNK tỉnh B được phép bán nhà, đất Công ty đang quản lý sử dụng tại thị xã B, tiền đất trích trả cho bà Lê Thị D, còn lại nộp ngân sách tỉnh”.

Ngày 19/8/1997, UBND Tỉnh ban hành Quyết định số 2073/QĐ.UBT về giải quyết đơn của bà Lê Thị D xin lại đất tọa lạc tại phường P, thị xã B. Theo đó, UBND Tỉnh quyết định:

“- Bà Lê Thị D được đền bù 930m² đất tọa lạc tại phường P, thị xã B; hiện nằm trong khuôn viên và do Công ty C quản lý sử dụng.

- Việc đền bù được thực hiện theo đúng quy định hiện nay về đền bù đất.

- Tiền đền bù trích từ số tiền phát mãi nhà đất của Công ty C và XNK Thủy sản theo đúng quy định”.

Quá trình thực hiện Quyết định số 2073/QĐ.UBT ngày 19/8/1997 của UBND Tỉnh:

Ngày 18/6/2019, Sở T có Công văn số 3465/STNMT-TTr về việc báo cáo quá trình thực hiện Quyết định số 2073/QĐ.UBT ngày 19/8/1997 của UBND Tỉnh (vụ ông Nguyễn Tấn T ở thành phố B), như sau:

Ngày 08/01/1998, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 41/QĐ.UBT về việc phê duyệt kinh phí đền bù, trợ cấp cho bà Nguyễn Thị T5 và bà Lê Thị D để Công ty C chi trả theo Quyết định số 2073/QĐ.UBT ngày 19/8/1997 và 2075/QĐ.UBT ngày 19/8/1997 của UBND Tỉnh. Theo đó, bà D được đền bù thiệt hại do thu hồi đất và các khoản trợ cấp là 225.693.000 đồng.

Ngày 20/4/1999, UBND tỉnh có Công văn số 1406/UB-VP về việc trả tiền đền bù cho bà Lê Thị D theo quyết định số 41/QĐ-UB ngày 08/01/1998 của UBND Tỉnh. Tại văn bản này, UBND tỉnh chỉ đạo:

“-Cho phép tạm ứng từ Ngân sách tỉnh để chi trả tiền đền bù, trợ cấp cho bà Lê Thị D theo quyết định số 41/QĐ-UB ngày 08/01/1998 của UBND tỉnh. Số tiền chi trả là 225.693.000 đồng (hai trăm hai mươi lăm triệu, sáu trăm chín mươi ba ngàn). Số tiền nói trên được ghi nợ cho Công ty C và Công ty phải hoàn trả lại cho Ngân sách tỉnh khi hoàn tất thủ tục phát mãi nhà đất của Công ty. Đối với bà Lê Thị D sau khi nhận tiền đền bù, trợ cấp phải chấp hành nghiêm chỉnh quyết định giải quyết khiếu tố của UBND tỉnh; không được cản trở việc sử dụng đất của đơn vị, chấm dứt khiếu nại và kết thúc vụ việc.

- Giao Sở T8 – Vật giá tỉnh giải quyết chi trả số tiền nói trên cho bà Lê Thị D để giải quyết dứt điểm vụ việc”.

Ngày 24/4/1999, Sở T8 – Vật giá xác định: “Sở T8 – Vật giá đã lập thủ tục thanh toán tiền đền bù cho bà Lê Thị D số tiền là: 225.693.000 đồng theo Lệnh chi tiền số 2982301 ngày 22/4/1999”.

Về việc giải quyết đơn của ông Quản Đức N

Ngày 29/3/2021, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Thông báo số 131/TB-UBND kết luận tại buổi tiếp ông Quản Đức N (người đại diện của ông Nguyễn Tấn T). Tại Thông báo này, Chủ tịch UBND tỉnh B chỉ đạo: “3. Trường hợp công dân có cung cấp tài liệu, chứng cứ, hồ sơ mới, giao Thanh tra tỉnh xem xét, có văn bản trả lời công dân; nếu vượt thẩm quyền thì báo cáo, đề xuất UBND tỉnh trong tháng 4/2022”.

Ngày 10/4/2022, ông Quản Đức N có Văn bản phản hồi gửi Chủ tịch UBND tỉnh B và Chánh Thanh tra tỉnh.

Văn bản phản hồi này có nội dung trình bày và có ý kiến, quan điểm; đồng thời nêu các văn bản, quyết định, nghị định để áp dụng vào trường hợp thu hồi đất của gia đình ông Nguyễn Tấn T gồm: Nghị định số 90-CP ngày 17/8/1994 của Chính phủ, Luật Đất đai năm 1993, Quyết định số 970/QĐ-UBND ngày

17/8/1995 của UBND tỉnh B, Quyết định số 31/QĐ.UBT ngày 17/01/1995 của UBND tỉnh B và cho rằng gia đình ông Nguyễn Tấn T (bà Lê Thị D) phải được đền bù về đất.

Ngày 02/6/2022, Thanh tra tỉnh đã có Công văn số 770/TTr-NV2 về việc trả lời văn bản phản hồi của ông Quản Đức N với nội dung: “*Văn bản phản hồi đề ngày 10/4/2022, ông Quản Đức N gửi kèm các tài liệu là các văn bản quy phạm pháp luật. Không cung cấp tài liệu, chứng cứ, hồ sơ mới làm thay đổi bản chất vụ việc. Do đó, căn cứ chỉ đạo tại Thông báo số 131/TB-UBND ngày 29/3/2022 của Chủ tịch UBND Tỉnh, Thanh tra T6 không có cơ sở để tiến hành xem xét, rà soát lại vụ việc*”.

Ngày 07/6/2022, Thanh tra tỉnh có Báo cáo số 142/BC-TTr.NV2 về kết quả thực hiện Thông báo số 131/TB-UBND ngày 29/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh B.

Ngày 04/7/2022, UBND tỉnh B có Công văn số 7676/UBND-VP trả lời văn bản phản hồi của ông Quản Đức N về khiếu nại của gia đình ông Nguyễn Tấn T, nội dung:

“*Qua nghiên cứu Đơn đề ngày 09/6/2022 của ông Quản Đức N, Chủ tịch UBND tỉnh B nhận thấy:*

- *Nội dung khiếu nại yêu cầu đền bù về đất đã được UBND tỉnh B giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 2073/QĐ.UBT ngày 19/8/1997 về việc giải quyết đơn của bà Lê Thị D xin lại đất tọa lạc tại phường P, thị xã B. Theo đó, UBND tỉnh B quyết định:*

“*Bà Lê Thị D được đền bù 930m² đất tọa lạc tại phường P, thị xã B; hiện nằm trong khuôn viên và do Công ty C quản lý sử dụng.*

Việc đền bù được thực hiện theo đúng quy định hiện nay về đền bù đất.

Tiền đền bù trích từ số tiền phát mãi nhà đất của Công ty C và XNK Thủy sản theo đúng quy định”.

- *Các tài liệu gửi kèm tại Văn bản phản hồi của ông Quản Đức N là các văn bản quy phạm pháp luật. Không cung cấp tài liệu, chứng cứ, hồ sơ mới làm thay đổi bản chất vụ việc.*

Vì vậy, Chủ tịch UBND tỉnh B tiếp tục trả lời Văn bản phản hồi đề ngày 10/4/2022 và Đơn đề ngày 09/6/2022 của ông Quản Đức N như sau:

- *Tại Văn bản phản hồi đề ngày 10/4/2022 và tài liệu gửi kèm theo, ông Quản Đức N gửi kèm các tài liệu là các văn bản quy phạm pháp luật, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, hồ sơ mới làm thay đổi bản chất vụ việc. Vụ việc khiếu nại yêu cầu đền bù về đất đã được UBND tỉnh B giải quyết khiếu nại tại Quyết định*

số 2073/QĐ.UBT ngày 19/8/1997 về việc giải quyết đơn của bà Lê Thị D xin lại đất tọa lạc tại phường P, thị xã B.

- Việc Thanh tra tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trả lời cho ông Quản Đức N tại Văn bản số 770/TTr-NV2 ngày 02/6/2022 là có căn cứ và đúng quy định pháp luật”.

Về việc thụ lý nội dung khởi kiện Quyết định số 2073/QĐ-UBND ngày 19/8/1997 và buộc UBND tỉnh B phải bồi thường giá trị đất đối với diện tích đã bị thu hồi là 1.910m² trong Quyết định 2073/QĐ-UBT ngày 19/8/1997

Ngày 19/8/1997, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2073/QĐ.UBT về việc giải quyết đơn của bà Lê Thị D xin lại đất tọa lạc tại phường P, thị xã B. Theo đó, UBND tỉnh quyết định:

“- Bà Lê Thị D được đền bù 930m² đất tọa lạc tại phường P, thị xã B; hiện nằm trong khuôn viên và do Công ty C quản lý sử dụng.

- Việc đền bù được thực hiện theo đúng quy định hiện nay về đền bù đất.

- Tiền đền bù trích từ số tiền phát mãi nhà đất của Công ty C và XNK Thủy sản theo đúng quy định”.

Ngày 24/4/1999, Sở T8 – Vật giá xác định: “Sở T8 – Vật giá đã lập thủ tục thanh toán tiền đền bù cho bà Lê Thị D số tiền là: 225.693.000 đồng theo Lệnh chi tiền số 2982301 ngày 22/4/1999”.

Như vậy, nội dung khiếu nại của bà Lê Thị D đã được UBND tỉnh B giải quyết khiếu nại từ năm 1997. Đồng thời, tại Đơn kêu oan về việc đất hương quả ghi ngày 17/10/2018 của ông Nguyễn Tấn T (là con của bà Lê Thị D) xác nhận gia đình ông T đã nhận Quyết định số 2073/QĐ-UBND ngày 19/8/1997 từ năm 1997. Tuy nhiên, bà Lê Thị D không thực hiện quyền khởi kiện Quyết định số 2073/QĐ-UBND ngày 19/8/1997. Đến ngày 20/12/2022 TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thụ lý vụ án hành chính sơ thẩm ông Nguyễn Tấn T khiếu kiện quyết định hành chính, cụ thể: Quyết định số 2073/QĐ-UBND ngày 19/8/1997 về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Lê Thị D xin lại đất tọa lạc tại phường P, thị xã B và buộc UBND tỉnh B phải bồi thường giá trị đất đối với diện tích đã bị thu hồi là 1.910m² trong Quyết định 2073/QĐ-UBT ngày 19/8/1997 của UBND tỉnh B.

Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, thì đã hết thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính đối với Quyết định số 2073/QĐ-UBND ngày 19/8/1997 về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Lê Thị D xin lại đất tọa lạc tại phường P, thị xã B.

Về việc khởi kiện Công văn số 7676/UBND-VP ngày 04/7/2022 của UBND tỉnh B

Ngày 10/4/2022, ông Quản Đức N có Văn bản phản hồi gửi Chủ tịch UBND tỉnh B và Chánh Thanh tra tỉnh. Văn bản phản hồi này có nội dung trình bày và có ý kiến, quan điểm; đồng thời nêu các văn bản, quyết định, nghị định để áp dụng vào trường hợp thu hồi đất của gia đình ông Nguyễn Tấn T gồm: Nghị định số 90-CP ngày 17/8/1994 của Chính phủ, Luật Đất đai năm 1993, Quyết định số 970/QĐ-UBND ngày 17/8/1995 của UBND tỉnh B, Quyết định số 31/QĐ.UBT ngày 17/01/1995 của UBND tỉnh B và cho rằng gia đình ông Nguyễn Tấn T (bà Lê Thị D) phải được đền bù về đất.

Nội dung khiếu nại yêu cầu đền bù về đất đã được UBND tỉnh B giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 2073/QĐ.UBT ngày 19/8/1997 về việc giải quyết đơn của bà Lê Thị D xin lại đất tọa lạc tại phường P, thị xã B. Theo đó, UBND tỉnh B quyết định:

“Bà Lê Thị D được đền bù 930m² đất tọa lạc tại phường P, thị xã B; hiện nằm trong khuôn viên và do Công ty C quản lý sử dụng.

Việc đền bù được thực hiện theo đúng quy định hiện nay về đền bù đất.

Tiền đền bù trích từ số tiền phát mãi nhà đất của Công ty C và XNK Thủy sản theo đúng quy định”.

Các tài liệu gửi kèm tại Văn bản phản hồi của ông Quản Đức N là các văn bản quy phạm pháp luật. Không cung cấp tài liệu, chứng cứ, hồ sơ mới làm thay đổi bản chất vụ việc.

Vì vậy, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Công văn số 7676/UBND-VP trả lời Đơn phản hồi đề ngày 10/4/2022 và Đơn đề ngày 09/6/2022 của ông Quản Đức N, nội dung như sau:

“- Tại Văn bản phản hồi đề ngày 10/4/2022 và tài liệu gửi kèm theo, ông Quản Đức N gửi kèm các tài liệu là các văn bản quy phạm pháp luật, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, hồ sơ mới làm thay đổi bản chất vụ việc. Vụ việc khiếu nại yêu cầu đền bù về đất đã được UBND tỉnh B giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 2073/QĐ.UBT ngày 19/8/1997 về việc giải quyết đơn của bà Lê Thị D xin lại đất tọa lạc tại phường P, thị xã B.

- Việc Thanh tra tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trả lời cho ông Quản Đức N tại Văn bản số 770/TTr-NV2 ngày 02/6/2022 là có căn cứ và đúng quy định pháp luật”.

Nội dung khiếu nại của bà Lê Thị D đã được UBND tỉnh B giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 2073/QĐ.UBT ngày 19/8/1997. Do đó, UBND tỉnh B có Công văn số 7676/UBND-VP trả lời Đơn phản hồi đề cho ông Quản Đức N biết, không phát sinh hành vi hành chính khác mà là nội dung trả lời các kiến nghị của ông Quản Đức N.

Từ những vấn đề nêu trên, Chủ tịch UBND tỉnh B kính đề nghị TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xem xét, quyết định:

Không chấp nhận đơn khởi kiện ông Nguyễn Tấn T đối với các yêu cầu:

- Hủy Quyết định 2073/QĐ-UBT ngày 19/8/1997 về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Lê Thị D xin lại đất tọa lạc tại phường P, thị xã B.

- Hủy văn bản 7676/UBND-VP ngày 04/7/2022 của UBND tỉnh B về việc trả lời văn bản phản hồi của ông Quản Đức N về khiếu nại của gia đình ông Lê Tấn T3 ở thành phố B.

- Buộc UBND tỉnh B phải bồi thường giá trị đất đối với diện tích đã bị thu hồi là 1.910m² trong Quyết định 2073/QĐ-UBT ngày 19/8/1997 của UBND tỉnh B.

Đồng thời, căn cứ khoản 1 Điều 116; điểm g khoản 1 Điều 143 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, đình chỉ giải quyết vụ án hành chính đối với 03 yêu cầu nêu trên.

[3]. Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bà Phạm Thị Đ trình bày:

Tại biên bản làm việc ngày 03/8/2023 (BL 125) của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu với bà Đ.

Bà Đ trình bày như sau: Bà Đ là người mua trúng đấu giá thửa đất số 58, tờ bản đồ số 6 tọa lạc tại 113 đường B, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu mà ông T3 đang khởi kiện của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa đã có Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá ngày 14/7/2020. Bà Đ không có ý kiến gì về việc ông Nguyễn Tấn T kiện Ủy ban nhân dân tỉnh Y bồi thường giá trị đất vì việc thu hồi này đã xảy ra từ năm 1997 rồi, đây là việc giữa ông T và Ủy ban nhân dân tỉnh. Hiện nay, bà Đ đã trúng đấu giá thửa đất nêu trên nên bà không có ý kiến gì.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 154/2023/HC-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32 ; Điều 157; Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính;

Căn cứ vào Điều 74, Điều 75 Luật đất đai; Luật giải quyết khiếu nại;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

[1] Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn T về các nội dung sau:

- Hủy Quyết định số 2073/QĐ.UBT ngày 19/8/1997 về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Lê Thị D xin lại đất tọa lạc tại phường P, thị xã B.

- Hủy Văn bản số 7676/UBND-VP ngày 04/7/2022 của UBND tỉnh B về việc trả lời văn bản phản hồi của ông Quản Đức N về khiếu nại của gia đình ông Lê Tấn T3 ở thành phố B.

- Buộc UBND tỉnh B phải bồi thường giá trị đất đối với diện tích đã bị thu hồi là 1.910m² trong Quyết định số 2073/QĐ-UBT ngày 19/8/1997 của UBND tỉnh B.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 23/9/2023, người khởi kiện là ông Nguyễn Tấn T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm bác kháng cáo của người khởi kiện. Giữ y bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo không xuất trình được chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện được làm đúng thời hạn, hình thức nội dung đảm bảo theo quy định pháp luật.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng Hành chính, Tòa án nhân dân Cấp Cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Tấn T, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Ông Nguyễn Tấn T khởi kiện yêu cầu :

- Hủy Quyết định số 2073/QĐ.UBT ngày 19/8/1997 về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Lê Thị D xin lại đất tọa lạc tại phường P, thị xã B.

- Hủy Văn bản số 7676/UBND-VP ngày 04/7/2022 của UBND tỉnh B về việc trả lời văn bản phản hồi của ông Quản Đức N về khiếu nại của gia đình ông Lê Tấn T3 ở thành phố B.

- Buộc UBND tỉnh B phải bồi thường giá trị đất đối với diện tích đã bị thu hồi là 1.910m² trong Quyết định số 2073/QĐ-UBT ngày 19/8/1997 của UBND tỉnh B.

Căn cứ theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32 của Luật Tổ tụng Hành chính các yêu cầu khởi kiện trên thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2.2] Về nguồn gốc đất tranh chấp và quá trình thu hồi, bồi thường đất:

Diện tích 1.910m² tọa lạc tại phường P, thành phố B mà ông Nguyễn Tấn T khởi kiện có nguồn gốc do ông Nguyễn Văn L ủy quyền cho vợ chồng ông Nguyễn Văn N1, bà Lê Thị D sử dụng từ năm 1967.

Về việc thu hồi đất: Tại báo cáo số 264/BC.TTr ngày 27-6-1997 của Thanh tra tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (BL70) thì ngày 25-4-1977, UBND tỉnh Đ ban hành quyết định số 259/QĐ.UBT về việc chuẩn y cấp đất cho T7 nghiệp vụ Ngân hàng tỉnh Đ diện tích là 3.000 m² (60m x 50m) tọa lạc tại thôn P, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Ngày 09-6-1977, Ban nông hội và UBND xã P lập biên bản giao đất và đền bù cho các hộ dân. Ngày 14-9-1977, bà Nguyễn Thị D1 đã ký nhận tiền đền bù 500 m² phần đất ruộng rau muống nhận 600 đồng (BL76). Ngày 27-8-1992, UBND tỉnh B ban hành quyết định số 801/QĐ.UB về việc thu hồi diện tích 2.430m² đất của T7 nghiệp vụ ngân hàng tỉnh Đ giao cho Xí nghiệp xuất nhập khẩu thủy sản tỉnh B sử dụng (có sơ đồ kèm theo trong đó có diện tích 1.910 m² đất của bà D1). Trong phần đất 1.910 m² đất của gia đình bà D1 có 480 m² đất trước đây ông N1 cho ông Lưu M1 thuê thuộc diện nhà nước quản lý theo quyết định 111/CP ngày 14-4-1977 thuộc diện nhà nước quản lý nên không bồi thường. Còn lại diện tích 1.430 m² thì đơn vị sử dụng phải bồi thường gia đình ông N1. Do thời điểm thu hồi đất năm 1977 và Nhà nước đã bồi thường tiền hoa lợi trên đất đối với phần đất ruộng rau muống là 500 m² nên diện tích còn lại chưa đền bù là 930 m². Năm 1997, UBND tỉnh B ban hành quyết định số 2073 như trên đối với diện tích 930 m² đất này.

Như vậy, về việc bồi thường đất, kết quả thanh tra tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thể hiện gia đình bà D1 đã nhận đủ 600 đồng tiền đền bù hoa lợi diện tích 500 m² (BL76) và tiền đền bù, hỗ trợ 930 m² đất theo Quyết định 2073 được cụ thể tại quyết định 41/QĐ.UBT ngày 08-01-1998 của UBND tỉnh B là 225.693.000 đồng (BL67).

Ngày 24/4/1999, Sở T8 – Vật giá xác định: “Sở T8 – Vật giá đã lập thủ tục thanh toán tiền đền bù cho bà Lê Thị D số tiền là: 225.693.000 đồng theo Lệnh chi tiền số 2982301 ngày 22/4/1999”.

Ngày 03/3/2008, Sở T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 622050 cho Công ty Cổ phần C với diện tích 1.742,0m² đất cơ sở sản xuất kinh doanh, thay đổi chủ sử dụng sang Công ty TNHH Đ1 theo hợp đồng chuyển nhượng 26/3/2010. Ngày 14/7/2020, bà Phạm Thị Đ trúng đấu giá diện tích đất trên.

Như vậy, đối với toàn bộ diện tích 1.430m² bà D đã được giải quyết về vấn đề đền bù, bồi thường qua các thời kỳ. Do đó, yêu cầu của ông Nguyễn Tấn T là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Xét nội dung giải quyết khiếu nại của UBND tỉnh B:

Theo đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày: Sau khi nhận được quyết định 2073/QĐ.UBT, gia đình bà D liên tục khiếu nại và sau khi bà D chết thì ông T là con bà D ủy quyền cho ông N1 khiếu nại UBND tỉnh B. Ngày 04-7-2022, UBND tỉnh B ban hành văn bản 7676/UBND-VP trả lời ông Quản Đức N về khiếu nại của gia đình ông T. Theo nội dung văn bản 7676/UBND-VP cho rằng UBND tỉnh Đ đã hỗ trợ tiền hoa lợi phần 500 m² năm 1977 và UBND tỉnh B đền bù, hỗ trợ phần diện tích 930 m² tại quyết định 2073/QĐ.UBT năm 1997. Ông T không đồng ý với văn bản này nên đã khiếu nại, khởi kiện. Theo ông T thì phần diện tích 500 m² đất ruộng rau muống UBND tỉnh Đ mới chỉ hỗ trợ tiền cây hoa màu trên đất, chưa bồi thường giá trị đất.

Xét thấy, trước thời điểm Chính phủ ban hành quyết định 201/CP ngày 01-7-1980 về việc thống nhất quản lý ruộng đất và tăng cường công tác quản lý ruộng đất trong cả nước thì Nhà nước không có văn bản nào về việc bồi thường giá trị quyền sử dụng đất khi thu hồi đất. Do vậy, thời điểm năm 1977, UBND tỉnh Đ hỗ trợ tiền hoa màu trên đất mà không bồi thường giá trị quyền sử dụng đất cho gia đình bà D, ông T khi thu hồi phần đất 500 m² là có cơ sở.

Đối với phần diện tích đất 930 m², ngày 27-8-1992, UBND tỉnh B ban hành quyết định số 801/QĐ.UB về việc thu hồi diện tích 2.430 m² đất của T7 nghiệp vụ ngân hàng tỉnh Đ giao cho Xí nghiệp xuất nhập khẩu thủy sản tỉnh B sử dụng. Do gia đình bà D khiếu nại phần diện tích này trước đây chưa được hỗ trợ, đền bù đất nên UBND tỉnh B xét đền bù cho gia đình bà D tại thời điểm gia đình bà D

khieu nại là phù hợp pháp luật và đảm bảo quyền lợi chính đáng cho gia đình bà D. Tại thời điểm năm 1997, Luật đất đai năm 1993 đang có hiệu lực pháp luật nên UBND tỉnh B căn cứ bảng giá đất tại quyết định số 31/QĐ-UBT ngày 17-01-1995 và quy định về đền bù đất tại quyết định số 970/QĐ-UBT ngày 17-8-1995 của UBND tỉnh B để bồi thường, hỗ trợ diện tích đất thu hồi 930 m² là đúng quy định pháp luật. Về loại đất bồi thường là đất nông nghiệp hạng 6 nhưng ở vị trí A, khu vực 1 nên được áp dụng chính sách hỗ trợ tương ứng cao hơn số tiền đền bù giá trị đất là phù hợp với quy định của UBND tỉnh B tại hai quyết định nêu trên.

Do UBND tỉnh Đ, UBND tỉnh B đã hỗ trợ, bồi thường giá trị quyền sử dụng đất cho gia đình bà D đúng quy định pháp luật nên khi ông T và đại diện theo ủy quyền của ông T là ông N khiếu nại, UBND tỉnh B trả lời phân đất 1.430 m² gia đình ông T đang khiếu nại đã được bồi thường là có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông T là đúng quy định.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy, kháng cáo của ông T là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: ông Nguyễn Tấn T sinh năm 1968 là người cao tuổi nên được miễn, theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Tấn T. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 154/2023/HC-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Áp dụng Điều 74, Điều 75 Luật đất đai; Luật giải quyết khiếu nại; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

[1] Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn T về các nội dung sau:

- Hủy Quyết định số 2073/QĐ.UBT ngày 19/8/1997 về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Lê Thị D xin lại đất tọa lạc tại phường P, thị xã B.
- Hủy Văn bản số 7676/UBND-VP ngày 04/7/2022 của UBND tỉnh B về

việc trả lời văn bản phản hồi của ông Quản Đức N về khiếu nại của gia đình ông Lê Tấn T3 ở thành phố B.

- Buộc UBND tỉnh B phải bồi thường giá trị đất đối với diện tích đã bị thu hồi là 1.910m² trong Quyết định số 2073/QĐ-UBT ngày 19/8/1997 của UBND tỉnh B.

[2] Về chi phí đo vẽ và thẩm định tại chỗ là 13.000.000 đồng. Ông T3 phải chịu và đã nộp xong.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí hành chính sơ thẩm: ông Nguyễn Tấn T phải nộp án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000594 ngày 19-12-2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ông T đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

[3.2] Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Tấn T phải nộp án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006243 ngày 28-9-2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP . HCM;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Thanh Thúy